

# NATRI CLORID 10% ngậm tam thất

**Thành phần:** cho một ống 5 ml chứa:

Hoạt chất: Natri clorid ..... 500 mg

Tá dược: Nước để pha thuốc tiêm vừa đủ..... 5 ml

**Dạng bào chế:** Dung dịch tiêm.

**Đóng gói:** Hộp 10 vỉ x 5 ống x 5 ml.

## **Dược động học:**

- Natri clorid có thể được hấp thu rất nhanh bằng đường tiêm truyền tĩnh mạch.

- Thuốc được phân bố rộng rãi trong cơ thể.

- Thải trừ chủ yếu qua nước tiểu, một phần thải trừ qua mồ hôi, nước mắt và nước bọt.

## **Dược lực học:**

- Khi tiêm tĩnh mạch, dung dịch natri clorid là nguồn cung cấp bổ sung nước và chất điện giải.

- Natri là cation chính của dịch ngoại bào và có chức năng chủ yếu trong điều hoà sự phân bố nước, cân bằng nước, điện giải và áp suất thẩm thấu của dịch cơ thể.

- Natri kết hợp với clorid và bicarbonat trong điều hoà cân bằng kiềm - toan, được thể hiện bằng sự thay đổi nồng độ clorid trong huyết thanh.

- Clorid là anion chính của dịch ngoại bào.

- Dung dịch tiêm natri clorid có khả năng gây bài niệu phụ thuộc vào thể tích tiêm truyền và điều kiện lâm sàng của người bệnh.

## **Chỉ định:**

Dung dịch natri clorid ưu trương dùng cho trường hợp thiếu hụt natri clorid nghiêm trọng cần phục hồi điện giải nhanh; Dùng khi giảm natri và clo huyết do dùng dịch không có natri trong nước và điện giải trị liệu, khi xử lý trường hợp dịch ngoại bào pha loãng quá mức sau khi dùng quá nhiều nước.

**Liều dùng - cách dùng:** Tiêm tĩnh mạch hoặc tiêm truyền tĩnh mạch.

- Khi có chỉ định dùng dung dịch natri clorid ưu trương, các dung dịch này phải được tiêm vào một tĩnh mạch lớn, không được để thuốc thoát mạch.

- Liều dùng natri clorid tùy thuộc vào tuổi, cân nặng, tình trạng mất nước, cân bằng kiềm toan và điện giải của người bệnh.

- Liều thông thường ban đầu tiêm tĩnh mạch là 100 ml tiêm trong 1 giờ. Trước khi tiêm thêm, cần phải định lượng nồng độ điện giải trong huyết thanh bao gồm cả clorid và bicarbonat. Nếu là tiêm truyền tĩnh mạch, không được vượt quá 100 ml/giờ.

## **Chống chỉ định:**

- Người bệnh bị tăng natri huyết, bị ứ dịch.

- Khi nồng độ điện giải huyết thanh tăng, bình thường hoặc chỉ giảm nhẹ.

## **Thận trọng:**

- Thận trọng với người bệnh suy tim sung huyết, các tình trạng giữ natri hoặc phù khác.

- Người bệnh suy thận nặng, xơ gan, đang dùng các thuốc corticoid hoặc corticotropin.

- Đặc biệt thận trọng với người cao tuổi hoặc bệnh nhân sau phẫu thuật.

**Thời kỳ mang thai:** Thuốc an toàn cho người mang thai.

**Thời kỳ cho con bú:** Thuốc không ảnh hưởng tới việc cho con bú.

**Người vận hành tàu xe, máy móc:** Thuốc không ảnh hưởng tới khả năng vận hành tàu xe, máy móc.

## **Tác dụng không mong muốn:**

- Hầu hết các phản ứng phụ có thể xảy ra sau khi tiêm do dung dịch nhiễm khuẩn hoặc do kỹ thuật tiêm.

- Khi dùng các chế phẩm không tinh khiết có thể gây sốt, nhiễm khuẩn ở chỗ tiêm và thoát mạch.

- Tăng thể tích máu hoặc triệu chứng do quá thừa hoặc thiếu hụt một hoặc nhiều ion trong dung dịch cũng có thể xảy ra.

- Dùng quá nhiều natri clorid có thể làm tăng natri huyết và lượng clorid nhiều có thể gây mất bicarbonat kèm theo tác dụng toan hóa.

## **“ Thông báo cho bác sĩ những**

### **tác dụng không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc”**

#### **Tương tác thuốc:**

- Thừa natri làm tăng bài tiết lithi; thiếu natri có thể thúc đẩy lithi bị ứ lại và tăng nguy cơ gây độc; người bệnh dùng lithi không được ăn nhạt.

- Nước muối ưu trương dùng đồng thời với oxytocin có thể gây tăng trương lực tử cung, có thể gây vỡ tử cung hoặc rách cổ tử cung. Cần theo dõi khi dùng đồng thời.

#### **Tương kỵ:**

- Không có thông tin.

#### **Quá liều và xử trí**

- Triệu chứng: Buồn nôn, nôn, tiêu chảy, co cứng bụng, khát, giảm nước mắt và nước bọt, hạ kali huyết, tăng natri huyết, vã mồ hôi, sốt cao, tim nhanh, tăng huyết áp, suy thận, phù ngoại biên và phù phổi, ngừng thở, nhức đầu, hoa mắt, co giật, hôn mê và tử vong.

- Điều trị: Khi có tăng natri huyết, nồng độ natri phải được điều chỉnh từ từ với tốc độ không vượt quá 10 - 12 mmol/lit hàng ngày; Tiêm truyền tĩnh mạch các dung dịch natri clorid ưu trương và đẳng trương (nhược trương đối với người bệnh ưu trương); khi thận bị thương tổn nặng, cần thiết, có thể thẩm phân.

**Bảo quản:** Nơi khô ráo, nhiệt độ dưới 30°C, tránh ánh sáng.

**Hạn dùng:** 36 tháng kể từ ngày sản xuất.

**Tiêu chuẩn áp dụng:** TCSS.

**“Thuốc này chỉ dùng theo đơn của Bác sĩ”**

**Đề xa tầm tay trẻ em.**

**“Độc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng**

**Nếu cần thêm thông tin xin hỏi ý kiến Thầy thuốc”**

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VINH PHÚC - VINPHACO**

Địa chỉ: Số 777 Đường Mê Linh, P. Khai Quang, TP. Vĩnh Yên, T. Vĩnh Phúc

ĐT: 02113 861233 Fax: 02113 862774

Địa chỉ nhà máy: Thôn Mậu Thông, P. Khai Quang, TP. Vĩnh Yên, T. Vĩnh Phúc